SEDONA
SANG TRỌNG & TIỆN NGHI

NGOẠI THẤT

KIỂU DÁNG SANG TRỌNG

KIA GRAND SEDONA - KHẲNG ĐỊNH MỘT PHONG CÁCH MỚI

ĐÈN PHA CÔNG NGHỆ LED

ĐÈN SƯƠNG MÙ THIẾT KẾ DẠNG LED

CỤM ĐÈN SAU DẠNG LED THIẾT KẾ MỚI

TIỆN NGHI CAO CẤP

Thao tác dễ dàng cùng cửa hông trượt tự động chỉ với một nút nhấn thông minh.

Bạn sẽ có cơ hội trải nghiệm những tính năng công nghệ hiện đại như điều hòa 3 vùng độc lập, cùng nhiều tính năng thông minh khác.

NỘI THẤT

Ghế lái chỉnh điện 12 hướng, nhớ 2 vị trí
Ghế phụ chỉnh điện 8 hướng

Nút bấm cửa trượt tự động

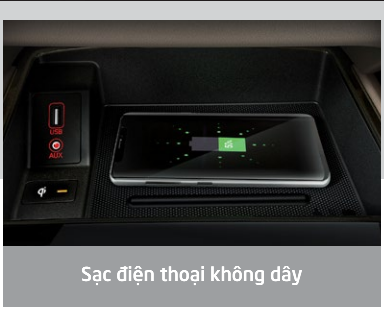
Sạc điện thoại không dây

Phanh tay điện tử

AN TOÀN VƯỢT TRỘI

Kia Sedona mang đến cho khách hàng sự an toàn trong suốt quá trình vận hành.
Một tuyệt tác kết hợp giữa nhiều tính năng an toàn linh hoạt và diện mạo đẳng cấp.

Hệ thống cảnh báo điểm mù BSD

Cảm biến hỗ trợ đỗ xe trước-sau

6 túi khí an toàn

VẬN HÀNH

Giờ đây, bạn sẽ có cơ hội tận hưởng những chuyến đi với phong thái tuyệt vời nhất. Đỉnh cao của sự hài hòa giữa thiết kế tinh tế và công nghệ thông minh.

Không gian nội thất rộng rãi và linh hoạt

TRANG THIẾT BỊ CHÍNH / MAIN EQUIPMENTS	2.2 DAT Deluxe	2.2 DAT Luxury	3.3 GAT Premium
NGOẠI THẤT / EXTERIOR			
Đèn pha / Headlamps	Halogen Projector	LED	LED
Đèn pha tự động / Auto headlamps	●	●	●
Đèn LED chạy ban ngày / LED daytime running lights	●	●	●
Cụm đèn sau dạng LED / LED rear combination lamps	●	●	●
Đèn sương mù phía trước / Front fog lamps	Dạng LED	Dạng LED	Dạng LED
Cánh hướng gió tích hợp đèn phanh lắp trên cao / Rear spoiler with HMSL	●	●	●
Giá đỡ hành lý trên mui xe / Roof rack	●	●	●
Mặt galang thiết kế mới / Black High-Glossy	●	●	●
Nẹp cốp sau mạ Chrome / Rear Garnish Chrome	●	●	●
Gương chiếu hậu ngoài chỉnh điện, gập điện tích hợp báo rẽ và sưởi mặt gương Electrically adjustable, retractable outer mirror with LED repeated lamp, heated	●	●	●
Ốp cản trước sau thiết kế thể thao / Front-Rear new design sport bumper	●	●	●
Kính sau tối màu / Privacy glass	●	●	●
NỘI THẤT / INTERIOR			
Tay lái bọc da và ốp gỗ / Wood & Leather steering wheel	●	●	●
Chế độ điện thoại rảnh tay / Handsfree phone	●	●	●
Màn hình hiển thị đa thông tin / Multi-information display	4.3”	TFT LCD 7”	TFT LCD 7”
Màn hình AVN cảm ứng 8”, 6 loa/ AVN 8”, 6 speakers	●	●	●
Bản đồ dẫn đường / Navigation	●	●	●
Kết nối AUX, USB, Bluetooth / AUX, USB, Bluetooth connections	●	●	●
Kính cửa điều khiển điện, 1 chạm tự động và chống kẹt 4 cửa / Power window; Auto-down operation, Safety 4 windows	●	●	●
Cửa hông trượt điện chống kẹt / Dual safety power sliding door	●	●	●
Cốp sau đóng mở điện thông minh / Smart power tailgate		●	●
Sạc điện thoại không dây / Wireless charge		●	●
Điều hòa tự động 3 vùng độc lập / Tri-zone auto air conditioner	Chỉnh cơ	●	●
Hệ thống lọc khí bằng ion / Clean air system		●	●
Hệ thống điều hòa sau / Rear air conditioner	Chỉnh cơ	Tự động	Tự động
Sưởi hàng ghế trước và tay lái / Heated front seats & Steering wheel	●	●	●
Gương chiếu hậu trong chống chói ECM / Electric Chromic Mirror		●	●
2 cửa sổ trời điều khiển điện độc lập / Dual safety sunroof		●	●
Ghế da / Leather seats	●	●	●
Ghế lái chỉnh điện 12 hướng / 12-way power driver seat	●	●	●
Nhớ 2 vị trí ghế lái / Integrated Memory Seat		●	●
Ghế hành khách trước chỉnh điện 8 hướng/ 8-way power Passenger seat		●	●
Rèm che nắng hàng ghế 2 và 3 / Sunshades blinds (2nd and 3rd row)	●	●	●

AN TOÀN / SAFETY	2.2 DAT Deluxe	2.2 DAT Luxury	3.3 GAT Premium
Hệ thống chống bó cứng phanh ABS / Anti-lock Brake System	●	●	●
Hệ thống phân phối lực phanh điện tử EBD / Electronic Brake-force Distribution	●	●	●
Hệ thống hỗ trợ lực phanh khẩn cấp / Brake assist system	●	●	●
Hệ thống hỗ trợ khởi động ngang dốc HAC / Hill start assist control	●	●	●
Hệ thống cân bằng điện tử ESP / Electronic stability program	●	●	●
Hệ thống ga tự động / Auto cruise control	●	●	●
Khởi động bằng nút bấm & khóa điện thông minh / Smartkey & button start	●	●	●
Khóa cửa điều khiển từ xa / Keyless entry system	●	●	●
Hệ thống chống trộm / Burglar Alarm	●	●	●
Chống sao chép chìa khóa / Immobilizer	●	●	●
Dây đai an toàn các hàng ghế / All row seat belts	●	●	●
Túi khí / Airbag	2	6	6
Khóa cửa trung tâm / Central door lock	●	●	●
Khóa cửa tự động theo tốc độ / Speed sensing auto door lock		●	●
Cảnh báo điểm mù BSD / Blind Spot Detect		●	●
Phanh tay điện tử / Electric Parking Brake		●	●
Cảm biến hỗ trợ đỗ xe trước-sau / Front-rear parking sensors	●	●	●
Camera lùi / Rear view camera	●	●	●

THÔNG SỐ KỸ THUẬT/SPECIFICATIONS		2.2 DAT Deluxe	2.2 DAT Luxury	3.3 GAT Premium
KÍCH THƯỚC-TRỌNG LƯỢNG / DIMENSIONS-WEIGHT				
Kích thước tổng thể (DxRxC) / Overall dimensions		5.115 x 1.985 x 1.755 mm	5.115 x 1.985 x 1.755 mm	5.115 x 1.985 x 1.755 mm
Chiều dài cơ sở / Wheel base		3.060 mm	3.060 mm	3.060 mm
Khoảng sáng gầm xe / Minimum ground clearance		163 mm	163 mm	163 mm
Bán kính quay vòng / Minimum turning radius		5.600 mm	5.600 mm	5.600 mm
Trọng lượng / Weight	Không tải / Curb	2.070 kg	2.070 kg	2.020 kg
	Toàn tải / Gross	2.830 kg	2.830 kg	2.770 kg
Dung tích thùng nhiên liệu / Fuel tank capacity		80L	80L	80L
Số chỗ ngồi / Seat capacity		07 Chỗ	07 Chỗ	07 Chỗ
ĐỘNG CƠ-HỘP SỐ / ENGINE-TRANSMISSION				
Kiểu / Model		Dầu, 2.2L CRDi / Diesel, 2.2L CRDi	Dầu, 2.2L CRDi / Diesel, 2.2L CRDi	Xăng, Lambda 3.3L MPI / Gasoline, Lambda 3.3L MPI
Loại / Type		4 xi lanh thẳng hàng, 16 van DOHC 4 cylinders in-line, 16 valve DOHC	4 xi lanh thẳng hàng, 16 van DOHC 4 cylinders in-line, 16 valve DOHC	6 xi lanh đối xứng, 24 van DOHC 6 cylinder symmetry, 24 valves DOHC
Dung tích xi lanh / Displacement		2.199 cc	2.199 cc	3.342 cc
Công suất cực đại / Max. power		190Hp / 3.800rpm	190Hp / 3.800rpm	266Hp / 6.400rpm
Mô men xoắn cực đại / Max. torque		440Nm / 1.750~2.750rpm	440Nm / 1.750~2.750rpm	318Nm / 5.200rpm
Hộp số / Transmission		Số tự động 8 cấp / 8-speed automatic	Số tự động 8 cấp / 8-speed automatic	Số tự động 6 cấp / 6-speed automatic
Dẫn động / Wheel drive		Cầu trước / FWD	Cầu trước / FWD	Cầu trước / FWD
KHUNG GẦM / CHASSIS				
Hệ thống treo Suspension system	Trước / Front	Kiểu Mc Pherson / McPherson Struts		
	Sau / Rear	Đa liên kết / Multi-link		
Hệ thống phanh Brakes system	Trước / Front	Đĩa thông gió / Ventilated discs		
	Sau / Rear	Đĩa đặc / Solid discs		
Cơ cấu lái / Power Steering		Trợ lực thủy lực / Hydraulic power steering		
Lốp xe / Tire		235/60R18		
Mâm xe / Wheel		Mâm đúc hợp kim nhôm / Alloy wheel		

MÀU SẮC / COLORS

Trắng (SWP) Bạc (M8S) Nâu (G4N)

Đen (ABP) Vàng (3V) Xanh (B4U) Đỏ (MR5)